

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THƯƠNG
MAI VITRANIMEX**

Phòng Tài chính kế toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị

- Căn cứ Biên bản họp HĐQT phiên thứ 08 ngày 28/12/2020 về việc tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng.
- Căn cứ nhu cầu sử dụng vốn của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh gồm đầu tư thêm phương tiện vận chuyển, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và giảm vốn vay ngân hàng.
- Căn cứ chỉ đạo của TGD giao nhiệm vụ cho các phòng chức năng

Phòng TCKT xây dựng các công việc liên quan đến phương án tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

1. Chuyển đổi mệnh giá cổ phần từ 100.000 đồng xuống 10.000 đồng/cổ phần phổ thông.

- Số lượng cổ phần hiện tại: 350.000 cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần hiện tại: 100.000 đồng/01 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần sau khi chuyển đổi: 3.500.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần sau khi chuyển đổi: 10.000 đồng/01 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu của cổ đông hiện hữu sau khi chuyển đổi mệnh giá: Không thay đổi
- Số lượng cổ phần của cổ đông hiện hữu sau khi chuyển đổi: Tăng lên 10 lần (chi tiết theo danh sách đính kèm)
- Mức vốn điều lệ hiện tại: 35.000.000.000 đồng
- Mức vốn điều lệ tăng thêm: 0 đồng

- Mức vốn điều lệ sau khi chuyển đổi: 35.000.000.000 đồng
- Giá trị sổ sách 01 cổ phần tại thời điểm 31/12/2020: 145.113 đồng
(= 50.789.581.452 đồng Vốn chủ sở hữu / 350.000 cổ phần đang lưu hành)
- Giá trị sổ sách 01 cổ phần trước khi phát hành: 140.113 đồng
(= 49.039.581.452 đồng Vốn chủ sở hữu sau khi tạm ứng 5% cổ tức năm 2020/350.000 cổ phần. Nếu trả cổ tức thêm thì giá trị sổ sách của cổ phần sẽ bị điều chỉnh giảm tương ứng)
- Giá trị sổ sách 01 cổ phần sau khi phát hành: 14.011 đồng
(= 49.039.581.452 đồng / 3.500.000 cổ phần)

2. Phương án trả cổ tức bằng cổ phần với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ

- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vitranimex tại thời điểm chốt quyền được nhận cổ tức bằng cổ phần theo quy định của pháp luật và phương án tăng vốn được Đại hội cổ đông thông qua.

- Tỷ lệ phát hành: 10%/vốn điều lệ (cổ đông sở hữu 100 cổ phần tại thời điểm phát hành sẽ được nhận cổ tức là 10 cổ phần)

- Số lượng cổ phần trước khi phát hành: 3.500.000 cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần trước khi phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần phát hành để trả cổ tức bằng cổ phần: 350.000 cổ phần phổ thông

- Tổng giá trị phát hành: 3.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành thêm để trả cổ tức: 3.850.000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu của cổ đông hiện hữu sau khi phát hành: Không thay đổi
- Số lượng cổ phần của cổ đông hiện hữu sau khi phát hành thêm để trả cổ tức: Tăng thêm 10% (chi tiết theo danh sách đính kèm)

- Mức vốn điều lệ trước khi phát hành: 35.000.000.000 đồng
- Mức vốn điều lệ tăng thêm: 3.500.000.000 đồng
- Mức vốn điều lệ sau khi phát hành: 38.500.000.000 đồng

- Giá trị sổ sách 01 cổ phần trước khi phát hành: 14.011 đồng
(= 49.039.581.452 đồng / 3.500.000 cổ phần)
- Giá trị sổ sách 01 cổ phần sau khi phát hành: 12.738 đồng
(= 49.039.581.452 đồng / 3.850.000 cổ phần, giảm do pha loãng cổ phần)
- Nguồn vốn thực hiện: trích từ Quỹ đầu tư phát triển & Dự phòng tài chính với số dư tại thời điểm 31/12/2020 đã được kiểm toán là 5.226.211.154 đồng (số dư sau khi trích thưởng còn 1.726.211.154 đồng)
- Thời gian thực hiện: Trong vòng 30 ngày sau khi được Đại hội cổ đông thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phần để tăng vốn Điều lệ.
- Phương án xử lý cổ phần lẻ: Nếu có số dư lẻ sẽ làm tròn theo nguyên tắc từ 0.5 trở lên sẽ tính là 01; dưới 0,5 sẽ không tính.

3. Phương án phát hành thêm 1.150.000 cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ

- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vitranimex tại thời điểm chào bán (**không chào bán riêng lẻ**).
- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông và không hạn chế chuyển nhượng
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.150.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 11.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần trước khi phát hành (đã chi trả cổ tức bằng cổ phần): 3.850.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần trước khi phát hành: 10.000 đồng/01 cổ phần
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 5.000.000 cổ phần
- Mức vốn điều lệ trước khi phát hành: 38.500.000.000 đồng
- Mức vốn điều lệ tăng thêm: 11.500.000.000 đồng
- Mức vốn điều lệ sau khi phát hành thành công: 50.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*)
- Giá trị sổ sách 01 cổ phần trước khi phát hành: 12.738 đồng
(= 49.039.581.452 đồng / 3.500.000 cổ phần)

- Giá trị sổ sách 01 cổ phần sau khi phát hành: 12.107 đồng
(= 49.039.581.452 đồng + 11.500.000.000 đồng / 5.000.000 cổ phần)
- Phương án xử lý cổ phần lẻ: Nếu có số dư lẻ sẽ làm tròn theo nguyên tắc từ 0.5 trở lên sẽ tính là 1; dưới 0,5 sẽ không tính.
- Thời gian thực hiện: Thực hiện chào bán trong vòng 30 ngày sau khi phương án tăng vốn được Đại hội cổ đông thông qua.
- Xử lý cổ phần chưa chào bán hết: Trường hợp, hết thời hạn chào bán có cổ đông không đăng ký mua hoặc mua không hết thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định việc phân phối cho các cổ đông hiện hữu khác có nhu cầu mua thêm. Thời hạn: 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho các cổ đông theo đúng tỷ lệ. Trường hợp, cổ đông vẫn không mua thêm hoặc không mua hết thì cổ phần không chào bán thành công sẽ bị hủy bỏ.
- Thực hiện đăng ký tăng vốn Điều lệ: Sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phần và kết quả chào bán cổ phần phát hành thêm, Đại hội đồng cổ đông sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chốt Sổ đăng ký cổ đông và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do tăng vốn điều lệ tương ứng theo quy định.
- Về tỷ lệ sở hữu, quyền mua cổ phần phát hành:
 - + Các cổ đông hiện hữu có quyền mua số cổ phần chào bán tối đa theo tỷ lệ sở hữu (chi tiết theo danh sách đính kèm).
 - + Trường hợp cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình thì tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi
 - + Trường hợp cổ đông không mua hoặc mua không hết theo tỷ lệ thì tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết sẽ bị giảm tương ứng

4. Thông tin khác

4.1. Những căn cứ pháp lý của việc tăng vốn điều lệ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Vitranimex được Đại hội cổ đông thông qua ngày 12/04/2019

4.2.Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

Sau khi thống nhất phương án tăng vốn điều lệ năm 2021, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các công việc sau:

- Được chủ động tiến hành các thủ tục cần thiết cũng như các công việc để chi trả cổ tức bằng cổ phần và chào bán thành công với hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty, các quy định pháp luật, điều lệ và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà chưa chào bán hết số lượng cổ phần đã được Đại hội cổ đông thông qua thì Vốn điều lệ đăng ký tăng lên sẽ bằng số lượng cổ phần đã phát hành thành công.

- Triển khai phương án sử dụng tiền từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích cổ đông, lợi ích Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật đồng thời báo cáo Đại hội cổ đông trong kỳ họp Đại hội cổ đông gần nhất.

- Đăng ký tăng vốn điều lệ với các quan Nhà nước có thẩm quyền

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty do tăng vốn Điều lệ và phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2020.

- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc cụ thể nêu trên.

Phòng TCKT kính đề nghị HĐQT xem xét phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Trần Ngọc Tú

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VITRANIMEX ĐẾN NGÀY 28-02-2021

TT	Họ và tên	Mã số cổ đông	Số cổ phần hiện tại (mệnh giá 100.000 đồng)	Tỷ lệ	Số cổ phần ứng với mệnh giá 10.000 đồng	Trả 10% cổ tức bằng cổ phần			Phát hành thêm 1.150.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng		
						Số cổ phần tương ứng 10%	Số tiền	Số cổ phần sau khi trả cổ tức	Số cổ phần được quyền mua thêm ứng với % sở hữu	Số tiền nộp thêm	Tổng số cổ phần sau khi trả cổ tức & phát hành thêm
1	Nguyễn Đình Bính	000013	24.893	7,1%	248.930	24.893	248.930.000	273.823,0	81.791	817.910.000	355.614
2	Đào Văn Thanh	000015	4.487	1,3%	44.870	4.487	44.870.000	49.357,0	14.743	147.430.000	64.100
3	Trần Kim Liên	000016	2.917	0,8%	29.170	2.917	29.170.000	32.087,0	9.584	95.840.000	41.671
4	Nguyễn Thị Tồn	000022	4.340	1,2%	43.400	4.340	43.400.000	47.740,0	14.260	142.600.000	62.000
5	Đặng Thị Thu Hà	000025	1.969	0,6%	19.690	1.969	19.690.000	21.659,0	6.470	64.700.000	28.129
6	Trần Anh Tuấn	000036	2.247	0,6%	22.470	2.247	22.470.000	24.717,0	7.383	73.830.000	32.100
7	Nguyễn Bình Minh	000037	2.889	0,8%	28.890	2.889	28.890.000	31.779,0	9.492	94.920.000	41.271
8	Tạ Gia Mạnh Hưng	000039	1.750	0,5%	17.500	1.750	17.500.000	19.250,0	5.750	57.500.000	25.000
9	Lê Văn Tạo	000049	1.370	0,4%	13.700	1.370	13.700.000	15.070,0	4.501	45.010.000	19.571
10	Nguyễn Mạnh Thắng	000050	1.312	0,4%	13.120	1.312	13.120.000	14.432,0	4.311	43.110.000	18.743
11	Nguyễn Huy Quang	000051	1.312	0,4%	13.120	1.312	13.120.000	14.432,0	4.311	43.110.000	18.743
12	Lê Thị Hồng	000053	4.658	1,3%	46.580	4.658	46.580.000	51.238,0	15.305	153.050.000	66.543
13	Đỗ Hồng Việt	000054	1.293	0,4%	12.930	1.293	12.930.000	14.223,0	4.248	42.480.000	18.471
14	Nguyễn Anh Tuấn	000057	1.691	0,5%	16.910	1.691	16.910.000	18.601,0	5.556	55.560.000	24.157
15	Nguyễn Văn Linh	000058	1.225	0,4%	12.250	1.225	12.250.000	13.475,0	4.025	40.250.000	17.500
16	Cao Thị Bích	000061	816	0,2%	8.160	816	8.160.000	8.976,0	2.681	26.810.000	11.657
17	Hoàng Văn Công	000066	1.037	0,3%	10.370	1.037	10.370.000	11.407,0	3.407	34.070.000	14.814
18	Nguyễn Thị Thanh Vân	000071	1.008	0,3%	10.080	1.008	10.080.000	11.088,0	3.312	33.120.000	14.400
19	Lại Quang Thái	000074	1.049	0,3%	10.490	1.049	10.490.000	11.539,0	3.447	34.470.000	14.986
20	Bùi Cẩm Thi	000076	904	0,3%	9.040	904	9.040.000	9.944,0	2.970	29.700.000	12.914
21	Tống Ngọc Tuấn	000078	1.022	0,3%	10.220	1.022	10.220.000	11.242,0	3.358	33.580.000	14.600
22	Lê Thị Trường	000080	846	0,2%	8.460	846	8.460.000	9.306,0	2.780	27.800.000	12.086
23	Phạm Thị Thanh Thủy	000082	816	0,2%	8.160	816	8.160.000	8.976,0	2.681	26.810.000	11.657
24	Nguyễn Thị Bích Thủy	000088	740	0,2%	7.400	740	7.400.000	8.140,0	2.431	24.310.000	10.571
25	Nguyễn Văn Khương	000097	640	0,2%	6.400	640	6.400.000	7.040,0	2.103	21.030.000	9.143
26	Nguyễn Như Phúc	000098	147	0,0%	1.470	147	1.470.000	1.617,0	483	4.830.000	2.100
27	Nguyễn Đình Quảng	000106	583	0,2%	5.830	583	5.830.000	6.413,0	1.916	19.160.000	8.329
28	Nguyễn Thị Vân Thanh	000109	846	0,2%	8.460	846	8.460.000	9.306,0	2.780	27.800.000	12.086
29	Hồ Chí Dũng	000111	528	0,2%	5.280	528	5.280.000	5.808,0	1.735	17.350.000	7.543
30	Nguyễn Quang Minh	000113	2.078	0,6%	20.780	2.078	20.780.000	22.858,0	6.828	68.280.000	29.686
31	Vũ Mạnh Hùng	000114	1.470	0,4%	14.700	1.470	14.700.000	16.170,0	4.830	48.300.000	21.000
32	Nguyễn Xuân Bắc	000117	499	0,1%	4.990	499	4.990.000	5.489,0	1.640	16.400.000	7.129
33	Bùi Thị Thanh Huyền	000121	495	0,1%	4.950	495	4.950.000	5.445,0	1.626	16.260.000	7.071
34	Nguyễn Thị Kiều Nga	000132	466	0,1%	4.660	466	4.660.000	5.126,0	1.531	15.310.000	6.657
35	Bùi Văn Long	000134	63.789	18,2%	637.890	63.789	637.890.000	701.679,0	209.591	2.095.910.000	911.270
36	Trần Thị Thanh Hòa	000144	2.941	0,8%	29.410	2.941	29.410.000	32.351,0	9.663	96.630.000	42.014
37	Nguyễn Thị Thắng	000209	1.458	0,4%	14.580	1.458	14.580.000	16.038,0	4.791	47.910.000	20.829
38	Nguyễn Văn Tính	000210	758	0,2%	7.580	758	7.580.000	8.338,0	2.491	24.910.000	10.829
39	Vũ Ngọc Thanh	000211	4.021	1,1%	40.210	4.021	40.210.000	44.231,0	13.212	132.120.000	57.443
40	Nguyễn Công Tư	000217	1.495	0,4%	14.950	1.495	14.950.000	16.445,0	4.912	49.120.000	21.357
41	Tạ Thị Phương	000220	2.123	0,6%	21.230	2.123	21.230.000	23.353,0	6.976	69.760.000	30.329
42	Nguyễn Trung Dũng	000222	3.289	0,9%	32.890	3.289	32.890.000	36.179,0	10.807	108.070.000	46.986
43	Lương Thu Hoà	000224	653	0,2%	6.530	653	6.530.000	7.183,0	2.146	21.460.000	9.329
44	Nguyễn Thị Xuân Dung	000226	13.972	4,0%	139.720	13.972	139.720.000	153.692,0	45.908	459.080.000	199.600
45	Đoàn Quang Hưng	000230	652	0,2%	6.520	652	6.520.000	7.172,0	2.142	21.420.000	9.314
46	Nguyễn Thị Hồng Nga	000231	863	0,2%	8.630	863	8.630.000	9.493,0	2.836	28.360.000	12.329
47	Bùi Thị Oanh	000232	15.567	4,4%	155.670	15.567	155.670.000	171.237,0	51.149	511.490.000	222.386
48	Vũ Thị Thanh Duyên	000233	3.604	1,0%	36.040	3.604	36.040.000	39.644,0	11.842	118.420.000	51.486
49	Trần Thị Ngọc Diệp	000236	1.056	0,3%	10.560	1.056	10.560.000	11.616,0	3.470	34.700.000	15.086
50	Lê Thị Dung	000237	3.724	1,1%	37.240	3.724	37.240.000	40.964,0	12.236	122.360.000	53.200
51	Mã Xuân Minh	000238	30.625	8,8%	306.250	30.625	306.250.000	336.875,0	100.625	1.006.250.000	437.500
52	Trần Ngọc Tú	000239	1.079	0,3%	10.790	1.079	10.790.000	11.869,0	3.545	35.450.000	15.414
53	Cty CP Đầu tư Đồng Nhân	000240	122.500	35,0%	1.225.000	122.500	1.225.000.000	1.347.500,0	402.500	4.025.000.000	1.750.000
54	Lương Trung Hiếu	000241	1.488	0,4%	14.880	1.488	14.880.000	16.368,0	4.889	48.890.000	21.257
Cộng			350.000	100%	3.500.000	350.000	3.500.000.000	3.850.000	1.150.000	11.500.000.000	5.000.000